TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-PT
Ngày 20 – 6 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cầm Văn Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Tuyền;

Ông Phạm Tuấn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tùng Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2023/TLPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Mộc Châu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Văn X, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

Tạm trú tại: Tiểu khu K, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tiểu khu 19/5, thị trấn N1, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Tạm trú tại: Tiểu khu B, thị trấn N1, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người kháng cáo: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tiểu khu G, thị trấn N1, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Văn X trình bày:

Ông và bà Bùi Thị L không có quan hệ họ hàng, chỉ là chỗ quen biết thân tình. Xuất phát từ đó nên khi bà Bùi Thị L hỏi ông vay tiền để làm ăn buôn bán nên ông đã cho bà L vay tổng số tiền 130.000.000 đồng, các lần vay tiền cụ thể:

Ngày 01/11/2019, ông Phan Văn X chuyển 2.000.000 đồng vào số tài khoản 41210000202358 của bà Bùi Thị L; Ngày 06/11/2019, chuyển vào tài khoản của bà L số tiền 21.000.000 đồng; Ngày 21/6/2020, chuyển vào tài khoản bà L số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 21/12/2020, chuyển vào tài khoản bà L số tiền 25.000.000 đồng. Ngoài ra các lần vay khác, ông chỉ ghi trong sổ không có chữ ký của bà Bùi Thị L, cụ thể: Ngày 02/5/2020, ông cho bà L vay số tiền 8.000.000 đồng; Ngày 28/6/2020, ông cho bà L vay số tiền 5.000.000 đồng; Ngày 02/7/2020, ông cho bà L vay số tiền 2.500.000 đồng; Tháng 9/2020, ông cho bà L vay số tiền 20.000.000 đồng; Ngày 21/10/2020, ông cho bà L vay số tiền 9.500.000 đồng; Tháng 10/2020, ông cho bà L vay số tiền 30.000.000 đồng.

Thời gian vay hai bên thống nhất khi nào bà Bùi Thị L làm ăn ổn định và ông cần tiền thì trả cho ông. Đến tháng 01 năm 2022 ông thường xuyên bị ốm đau, ông đã nhiều lần đòi tiền bà Bùi Thị L thì bà L khất lần không chịu trả tiền cho ông. Nên ông viết đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu giải quyết buộc bà Bùi Thị L phải thanh toán cho ông tổng số tiền vay là 130.000.000 đồng. Về lãi suất ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Bùi Thị L trình bày:

Bà và ông Phan Văn X có quen biết nhau từ năm 1986 đến nay. Ngày 01/11/2019, ông Phan Văn X có chuyển vào số tài khoản 41210000202358 của bà số tiền 2.000.000 đồng; Ngày 06/11/2019, chuyển vào tài khoản của bà 21.000.000 đồng; Ngày 21/6/2020, chuyển vào tài khoản của bà 10.000.000 đồng; Ngày 21/12/2020, chuyển vào tài khoản của bà 25.000.000 đồng, 04 lần chuyển với tổng số tiền 58.000.000 đồng là do ông Phan Văn X trả tiền vay bà trước đó để đầu từ chăn nuôi gà và lo công việc. Đối với số tiền 72.000.000 đồng ông Phan Văn X ghi nợ là vô lý vì bà không được vay và ký tên nên bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn X.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 469 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn X. Buộc bà Bùi Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn X số tiền 58.000.000 đồng *(Năm mươi tám triệu đồng)*.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/3/2023, bị đơn bà Bùi Thị L có đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Ý kiến của nguyên đơn ông Phan Văn X: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của bị đơn bà Bùi Thị L: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị L. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 06/2023/DS-ST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Phan Văn X khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị L thanh toán các khoản vay trong khoảng thời gian từ ngày 01/11/2019 đến tháng 12/2020. Bị đơn bà Bùi Thị L cũng thừa nhận giữa các bên có phát sinh các lần thanh toán tiền vay nợ từ năm 2019 đến năm 2020. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản xét thấy có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Bùi Thị L kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên kháng cáo được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Ngày 09/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La có công văn số 13/YC-VKS-DS về việc yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam BIDV - Phòng giao dịch N1 chỉ xác định ông X chỉ giao dịch 03 lần chuyển tiền cho bà L gồm các ngày 01/11/2019, ngày 06/11/2019 và ngày 21/12/2020 với tổng số tiền là 48.000.000 đồng, còn ngày 21/6/2020 không có giao dịch tại Ngân hàng. Ngày 12/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã có Công văn số 1032/CV-TA về việc Ủy thác thu thập tài liệu chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu. Ngày 20/6/2023, Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu đã có biên bản làm việc với nguyên đơn ông Phan Văn X, ông X đã cung cấp bản phôtô chứng từ giao dịch tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông X đã cung cấp thêm 01 bản chính chứng từ giao dịch tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình đề ngày 04/10/2019, ông X chuyển tiền cho bà L số tiền là 10.000.000 đồng.

[3] Xét nội dung đơn kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn ông Phan Văn X và bị đơn bà Bùi Thị L đều xác nhận có việc ông X 04 lần chuyển tiền vào tài khoản của bà L với tổng số tiền là 58.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 01/11/2019, ông X chuyển tiền cho bà L số tiền là 2.000.000 đồng.

- Ngày 06/11/2019, ông X chuyển tiền cho bà L số tiền là 21.000.000 đồng.

- Ngày 04/10/2019, ông X chuyển tiền cho bà L số tiền là 10.000.000 đồng. (Tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình).

- Ngày 21/12/2020, ông X chuyển tiền cho bà L số tiền là 25.000.000 đồng.

Các lần chuyển tiền trên đều có chứng từ hợp lệ của Ngân hàng, phù hợp với lời khai của các bên đương sự. Qua xác minh tại Tòa án cấp sơ thẩm và Công văn phúc đáp của Ngân hàng xác định số tài khoản 41210000202358 Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam mà ông X đã 04 lần chuyển tiền là tài khoản mang tên bà Bùi Thị L. Giữa nguyên đơn và bị đơn đều không làm giấy tờ vay nợ, không có người làm chứng, bà L cũng xác nhận có phát sinh giao dịch chuyển tiền và nhận tiền giữa ông X và bà L. Như vậy, việc ông Phan

Văn X khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị L trả lại số tiền 58.000.000 đồng là có căn cứ.

Ngoài ra, ông X cho rằng còn cho bà L vay các lần vay khác với tổng số tiền 75.000.000 đồng, các lần vay này ông X chỉ ghi nợ vào sổ, không có chữ ký hay xác nhận gì của bà Bùi Thị L, ông X cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận khoản vay này là đúng quy định.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà L cho rằng ông X chuyển tiền cho bà là để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà không được vay tiền của ông X. Tuy nhiên, bà L không đưa ra được tài liệu, căn cứ chứng minh việc giữa ông X và bà L có giao dịch vay tiền, do vậy quan điểm của bị đơn bà Bùi Thị L đưa ra là không có căn cứ.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn X, buộc bị đơn bà Bùi Thị L có nghĩa vụ trả lại cho ông X số tiền 58.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị L, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Bị đơn bà Bùi Thị L phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 469 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn X. Buộc bà Bùi Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn X số tiền 58.000.000 đồng *(Năm mươi tám triệu đồng).*

Kể từ ngày bên có quyền yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án thì bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi đối với số

tiền chậm trả theo quy định tại các Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bà Bùi Thị L phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0002949 ngày 30/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Bà Bùi Thị L phải chịu 2.900.000 đồng *(Hai triệu chín trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 20/6/2023).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Cầm Văn Thanh